

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DUY XUYỀN  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15/7/2021

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYỀN- TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Chí Thành và bà Trần Thị Thúy Nga.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên tham gia phiên tòa:**  
Bà Lương Thị Sinh- Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2021/TLST-HNGĐ ngày 15/3/2021 về *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXX-TA ngày 21 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Thạch T, sinh năm 1985. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1986. Có mặt.

Cùng trú tại: Tổ 9, thôn HS, xã DN, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thạch T và anh Nguyễn Văn V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DN vào năm 2007. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Nguyễn Văn V cờ bạc, rượu chè, có quan hệ ngoại tình về nhà đánh đập chị. Hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên là Nguyễn Đỗ Diệu H, sinh ngày 08/7/2007, Nguyễn Đỗ Phương M, sinh ngày 07/10/2010, Nguyễn Minh Q, sinh ngày 31/3/2017. Chị T có nguyện vọng nuôi cả ba con, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Đối với cháu H và cháu M chị T không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: không có, không yêu cầu giải quyết.

*Ý kiến của bị đơn:*

Về hôn nhân: anh V thống nhất về thời gian và nơi đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Hôn nhân là tự nguyện. Anh thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng do anh có bài bạc, rượu chè, cãi cả với chị T. Trong lúc nóng giận không kiềm chế được nên anh đã đánh chị T 03 lần. Bản thân anh có trách nhiệm với gia đình, có chu cấp tiền để chị T mua sữa và nộp tiền học cho con. Anh V không có ngoại tình. Lần mâu thuẫn gần nhất xảy ra là do chị T xem đá banh, bỏ con nhỏ ở nhà không chăm sóc nên anh và chị đã xảy ra cãi vã và anh có hăm dọa hành hung đối với chị T. Anh không thống nhất ly hôn do tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh thương các con nên mong muốn được hàn gắn, đoàn tụ.

Về con chung: anh thống nhất vợ chồng có 03 con chung như chị T trình bày. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh thống nhất giao 03 con cho chị T nuôi dưỡng và thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T là 2.500.000 đồng/tháng cụ thể đối với H: 800.000 đồng/tháng; M: 800.000 đồng/tháng và Q: 900.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: anh V thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, nghĩa vụ chung.

*Ý kiến của kiểm sát viên:* Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã đảm bảo thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được pháp luật tổ tụng dân sự qui định. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tổ tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Đỗ Thị Thạch T được ly hôn với anh Nguyễn Văn V, giao

03 con là Nguyễn Đỗ Diệu H, sinh ngày 08/7/2007, Nguyễn Đỗ Phương M, sinh ngày 07/10/2010, Nguyễn Minh Q, sinh ngày 31/3/2017 cho chị Đỗ Thị Thạch T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, buộc anh Nguyễn Văn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng cụ thể đối với H: 800.000 đồng/tháng; M: 800.000 đồng/tháng và Q: 900.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi

*Những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

- 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản sao)
- 02 giấy khai sinh (bản sao); 01 trích lục khai sinh (bản sao).
- 01 đơn xin xác nhận nơi cư trú.
- 02 Giấy chứng minh nhân dân (bản sao)
- 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản sao).

*Các tình tiết sự kiện các bên thống nhất và ý kiến của các bên:*

- Chị T và anh V thống nhất có 03 con chung. Nếu ly hôn, anh V thống nhất giao cả ba con cho chị T nuôi dưỡng và thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T.

- Tài sản chung, nghĩa vụ chung vợ chồng: không có.

*Các tình tiết sự kiện các bên không thống nhất và ý kiến của các bên:*

- Chị Đỗ Thị Thạch T yêu cầu ly hôn, anh Nguyễn Văn V không thống nhất ly hôn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

*[1] Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo qui định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*[2] Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Đỗ Thị Thạch T và anh Nguyễn Văn V kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DN vào năm 2007 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Theo lời trình bày của chị T, anh V và qua xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn vợ chồng của anh chị xuất phát từ nhiều năm trước do thường hai lục đục, cãi vã nhau và xảy ra xô xát. Anh V có rượu chè, cờ bạc, vay nóng dẫn đến bán nhà trả nợ. Anh V có đánh đập chị T. Anh V làm nghề đi biển nên thường ít khi ở nhà. Chị T cùng các con sống nhờ nhà mẹ ruột chị T. Các con hiện do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc ngoại tình giữa anh V và chị T thì chính quyền địa phương không nắm rõ thông tin.

Tòa án đã tạo điều kiện về mặt thời gian, tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng chị T và anh V không thống nhất đoàn tụ, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, có xảy ra tình trạng bạo lực gia đình, chị T cương quyết ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận cho chị Đỗ Thị Thạch T được ly hôn với anh Nguyễn Văn V

*[3] Về con chung:* Anh chị có 03 con chung như đã trình bày. Tại phiên tòa, xét thấy chị T và anh V thỏa thuận được với nhau về việc giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con; việc thỏa thuận này không trái với đạo đức và pháp luật nên Hội đồng xét xử cần công nhận sự thỏa thuận này; cụ thể: giao 03 con chung tên là Nguyễn Đỗ Diệu H, sinh ngày 08/7/2007; Nguyễn Đỗ Phương M, sinh ngày 07/10/2010, Nguyễn Minh Q, sinh ngày 31/3/2017 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả 03 con là 2.500.000 đồng/tháng cụ thể đối với H: 800.000 đồng/tháng; M: 800.000 đồng/tháng và Q: 900.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Lãi chậm cấp dưỡng nuôi con, anh V phải chịu theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

*[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng:* chị T và anh V không có tài sản chung và nợ chung

*[5] Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, chị Đỗ Thị Thạch T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, anh Nguyễn Văn V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000đ.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81 và Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị Thạch T được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.
2. Về con chung: Giao 03 cháu tên là Nguyễn Đỗ Diệu H, sinh ngày 08/7/2007, Nguyễn Đỗ Phương M, sinh ngày 07/10/2010, Nguyễn Minh Q, sinh ngày 31/3/2017 cho chị Đỗ Thị Thạch T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Văn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả 03 con mỗi tháng là 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*) cụ thể đối với cháu H: 800.000 đồng (*tám trăm nghìn đồng*); cháu M: 800.000 đồng (*tám trăm nghìn đồng*) và cháu Q: 900.000 đồng (*chín trăm nghìn đồng*).

Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 07/2021 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: chị Đỗ Thị Thạch T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đỗ Thị Thạch T đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 4896 ngày 15/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên.

Anh Nguyễn Văn V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/7/2021).

Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa**

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND Duy Xuyên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THADS Duy Xuyên;
- Các đương sự;
- Ủy ban xã DN
- Lưu HS,AV

**Đặng Thị Cẩm Nhung**

